

Số: 25/2020/QĐST-KDTM

H, ngày 23 tháng 6 năm 2020

**QUYẾT ĐỊNH**  
**CÔNG NHẬN SỰ THỎA THUẬN CỦA CÁC ĐƯƠNG SỰ**

Căn cứ vào Điều 212 và Điều 213 của Bộ luật tố tụng dân sự năm 2015;

Căn cứ vào biên bản hòa giải thành lập ngày 15/6/2020 về việc các đương sự thỏa thuận được với nhau về việc giải quyết toàn bộ vụ án Kinh doanh thương mại sơ thẩm thụ lý số 21/2020/TLST-KDTM ngày 12/02/2020 về việc tranh chấp hợp đồng tín dụng;

**XÉT THẤY:**

Các thỏa thuận của các đương sự được ghi trong biên bản hòa giải thành về việc giải quyết toàn bộ vụ án là tự nguyện; nội dung thỏa thuận của các đương sự không vi phạm điều cấm của luật và không trái đạo đức xã hội.

Đã hết thời hạn 07 ngày, kể từ ngày lập biên bản hòa giải thành, không có đương sự nào thay đổi ý kiến về sự thỏa thuận đó.

**QUYẾT ĐỊNH:**

**1. Công nhận sự thỏa thuận của các đương sự:**

**Nguyên đơn:** *Ngân hàng N;*

Trụ sở: số 02 phường L, phường T, quận B, TP H.

Do ông Lê Thanh H – Giám đốc Ngân hàng N– Chi nhánh L làm đại diện theo Quyết định ủy quyền số 2965/QĐ-NHNo-PC ngày 27/12/2019 của Tổng giám đốc Ngân hàng N.

**Bị đơn:** *Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh thương mại H;*

Trụ sở: tầng 2 số nhà 36 ngõ 61 phố L, phường V, quận H, thành phố H.

Do ông Vũ Tuấn Đ – Giám đốc người đại diện theo pháp luật của Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh thương mại H làm đại diện.

**Người có** *1. Công ty Cổ phần T;*

**quyền lợi nghĩa** Trụ sở: số 36 ngõ 61 phố L, phường V, quận H, thành phố H.

**vu liên quan:** Do bà Hà Thị T – Chủ tịch Hội đồng quản trị người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần T làm đại diện.

*2. Công ty Cổ phần X;*

Trụ sở: số 36 ngõ 61 phố L, phường V, quận H, thành phố H

Do ông Vũ Tuấn Đ – Chủ tịch Hội đồng quản trị người đại diện theo pháp luật của Công ty Cổ phần X làm đại diện.

**2. Sự thỏa thuận của các đương sự cụ thể như sau:**

**2.1.** Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh thương mại H công nhận còn nợ Ngân hàng N theo các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400042 ngày 23/01/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400068 ngày 11/02/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400081 ngày 19/02/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400087 ngày 21/02/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400116 ngày 06/03/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400128 ngày 10/03/2014 gồm: Nợ gốc: 33.510.000.000 đồng; Lãi trong hạn là 19.077.864.667 đồng; Lãi quá hạn là 1.501.078.889 đồng (Số liệu tính đến ngày 20/02/2020).

**2.2.** Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh thương mại H cam kết thanh toán cho Ngân hàng N số tiền 33.510.000.000 đồng của các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400042 ngày 23/01/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400068 ngày 11/02/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400081 ngày 19/02/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400087 ngày 21/02/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400116 ngày 06/03/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400128 ngày 10/03/2014 theo kế hoạch như sau:

Lần 1: Hạn cuối cùng ngày 30/7/2020	thanh toán 500.000.000 đồng;
Lần 2: Hạn cuối cùng ngày 25/12/2020	thanh toán 500.000.000 đồng;
Lần 3: Hạn cuối cùng ngày 30/6/2021	thanh toán 500.000.000 đồng;
Lần 4: Hạn cuối cùng ngày 25/12/2021	thanh toán 500.000.000 đồng;
Lần 5: Hạn cuối cùng ngày 30/6/2022	thanh toán 500.000.000 đồng;
Lần 6: Hạn cuối cùng ngày 25/12/2022	thanh toán 31.010.000.000 đồng;

**2.3.** Đối với khoản tiền lãi của các Hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400042 ngày 23/01/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400068 ngày 11/02/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400081 ngày 19/02/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400087 ngày 21/02/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400116 ngày 06/03/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400128 ngày 10/03/2014, Ngân hàng N sẽ tiến hành xem xét theo quy định của pháp luật và quy chế của Ngân hàng N;

**2.4.** Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh thương mại H không thực hiện hoặc thực hiện không đúng nghĩa vụ trả nợ thì Ngân hàng N có quyền yêu cầu cơ quan thi hành án dân sự có thẩm quyền xử lý tài sản thế chấp (Hoặc áp dụng các biện pháp khác theo quy định của pháp luật) để thu hồi khoản nợ gồm: Tài sản thế chấp là các quyền tài sản phát sinh từ Hợp đồng thuê đất số 23-07/HĐTĐTN ngày 30/01/2007 ký giữa Sở Tài nguyên Môi trường và Nhà đất H và Công ty cổ phần T bao gồm cả các Phụ lục, văn bản sửa đổi, bổ sung, kế thừa của Hợp đồng thuê đất. Khu đất thuê có diện tích 5.234 m<sup>2</sup> tại số 36 ngõ 61 phố L, phường V, quận H, TP H được UBND thành phố H cấp Giấy chứng nhận QSD đất số AĐ 493987 ngày 28/12/2006 theo hợp đồng thế chấp tài sản số công chứng 0416.2014/CCHBT/HĐTC ký ngày ngày 13/02/2014, Tại Văn phòng công chứng H; Được đăng ký giao dịch đảm bảo tại Trung tâm Đăng ký giao dịch tài sản tại thành phố H số đơn 1179885323 ngày 25/4/2015 (Giá trị lợi thế quyền thuê đối với quyền sử dụng đất và các tài sản khác gắn liền với đất tại thửa đất có địa chỉ 36 ngõ 61 phố L, phường V, quận H, TP H theo giấy chứng nhận quyền sử dụng đất số AĐ 493987 do Ủy ban nhân dân thành phố H cấp ngày 28/6/2006 là 55.083.000.000 đồng theo chứng thư thẩm định giá số 20061201-PTACC ngày 12/6/2020 của Công ty Cổ phần Tư vấn và Thẩm định giá P).

**2.5.** Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh thương mại H còn phải chịu khoản tiền lãi của số tiền còn phải thi hành án theo mức lãi suất do các bên thỏa thuận trong các hợp đồng tín dụng: Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400042 ngày 23/01/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400068 ngày 11/02/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400081 ngày 19/02/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400087 ngày 21/02/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400116 ngày 06/03/2014; Hợp đồng tín dụng số 1460LAV201400128 ngày 10/03/2014 nhưng phải phù hợp với quy định của pháp luật kể từ ngày đến hạn của thời hạn theo quy định tại Điều 2.2 của Quyết định này cho đến khi thi hành án xong;

**Về án phí:** Công ty TNHH đầu tư và kinh doanh thương mại H chịu án phí Kinh doanh thương mại sơ thẩm là 70.755.000 đồng (Bảy mươi triệu, bảy trăm năm mươi năm nghìn đồng); Ngân hàng N không phải chịu án phí kinh doanh thương mại sơ thẩm do đó Ngân hàng N

được nhận lại số tiền tạm ứng án phí là 80.000.000 đồng (Tám mươi triệu đồng chẵn) theo biên lai thu tạm ứng án phí, lệ phí Tòa án số 0024214 ngày 11/02/2020 của Chi cục thi hành án dân sự quận B;

**3.** Quyết định này có hiệu lực pháp luật ngay sau khi ban hành và không bị kháng cáo, kháng nghị theo thủ tục phúc thẩm.

**4.** Quyết định được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

*Nơi nhận:*

- Các đương sự;
- VKS nhân dân quận B;
- Lưu hồ sơ vụ án.

**THẨM PHÁN**

**Hoàng Đình Trung**